

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



TRẦN QUANG SƠN

**NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG
TÍN DỤNG, QUA THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TÒA ÁN
NHÂN DÂN HAI CẤP TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, 2018

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Văn Duy

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	1
3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Những đóng góp mới của luận văn	3
7. Cơ cấu luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG.....	4
1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng tín dụng.....	4
1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng.....	4
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng	5
1.2. Chủ thể bên vay trong hợp đồng tín dụng.....	5
1.2.1. Phân loại chủ thể bên vay.....	5
1.2.2. Điều kiện vay vốn của bên vay	6
1.3. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng.	6
1.3.1. Nghĩa vụ của bên vay phát sinh theo quy định của pháp luật.....	6
1.3.2. Nghĩa vụ của bên vay phát sinh theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng	6
1.4. Nội dung nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng.....	7
1.4.1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin	7
1.4.2. Nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích.....	7
1.4.3. Nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc, lãi và các chi phí khác trong hợp đồng tín dụng	7
1.4.3.1 Nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc và lãi	7
1.4.3.2. Nghĩa vụ về thanh toán các khoản phí khác.....	8
1.4.4. Nghĩa vụ đảm bảo tuân thủ các cam kết khác trong hợp đồng tín dụng.....	8
1.4.5. Phạm vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật áp dụng khi bên vay vi phạm các nghĩa vụ	8
1.4.6. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn.....	9

Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	10
2.1. Thực trạng pháp luật nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng	10
2.1.1. Thành tựu pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng	10
2.1.2. Hạn chế pháp luật nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng	12
2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị	14
2.2.1. Thành tựu áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị	14
2.2.2. Đánh giá về công tác xét xử các vụ án về tranh chấp về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị.....	18
Chương 3. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG	20
3.1. Quan điểm hoàn thiện hoàn thiện pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị	20
3.2. Quan điểm cụ thể áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện việc giải quyết tốt các tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng tại Tòa án.....	22
3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật	22
3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả.....	24
KẾT LUẬN	26

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hoạt động cho vay là một hoạt động phổ biến của các tổ chức tín dụng (TCTD) và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Đây là hoạt động diễn ra hằng ngày của các TCTD bởi nhu cầu vốn trong nền kinh tế luôn luôn tồn tại và cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì nhu cầu vốn ngày càng tăng. Thông qua hoạt động cho vay, TCTD đã góp phần cung ứng vốn cho nền kinh tế, qua đó tạo động lực cho nền kinh tế phát triển. Từ đó, có thể thấy rằng hoạt động cho vay có ảnh hưởng rất lớn đối với nền kinh tế của một quốc gia cũng như toàn xã hội.

Trong hoạt động cho vay thì một vấn đề rất quan trọng là việc thi hành các quy định của pháp luật về nghĩa vụ của bên vay. Việc bên vay tuân thủ đúng các nghĩa vụ của mình sẽ giúp tránh được rất nhiều rủi ro cho hoạt động cho vay của TCTD. Ngoài ra, việc bên vay vi phạm các nghĩa vụ của mình đã từng dẫn đến rất nhiều tranh chấp liên quan đến hoạt động cho vay trong quá khứ và để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu trước đó. Tuy nhiên, Thông tư 39 mới có hiệu lực thi hành sẽ điều chỉnh về nghĩa vụ của bên vay như thế nào, liệu có thể khắc phục được những hạn chế từ các quy định trước và có thể phát sinh những bất cập gì cần hoàn thiện là một vấn đề mà chưa công trình nghiên cứu nào tính đến thời điểm này thực hiện. Do đó, với mong muốn nghiên cứu về nghĩa vụ của bên vay một cách toàn diện theo quy định mới của pháp luật để qua đó phát hiện ra những bất cập, vướng mắc trong quá trình thi hành những quy định mới của pháp luật và đề ra hướng hoàn thiện mà tác giả đã chọn đề tài: *“Nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị”* cho luận văn Luật chuyên ngành Luật Kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng là vấn đề không chỉ nhận được sự quan tâm của giới kinh doanh mà còn là vấn đề quan tâm của các nhà khoa học pháp lý nhằm tạo dựng một cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ Nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng một cách hiệu quả, góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi, thúc đẩy cho hoạt động tài chính ngân hàng phát triển lành mạnh. Chính vì vậy đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau về những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng. Đến nay đã có không ít các

công trình và bài nghiên cứu về lĩnh vực này. Từ năm 2014 tại trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh đã có luận văn thạc sĩ luật học tốt nghiệp. Ngoài ra còn rất nhiều công trình nghiên cứu, báo cáo khoa học và bài viết của các tác giả khác liên quan đến vấn đề này. Tuy nhiên các công trình này chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu về giải quyết những tranh chấp phát sinh từ HĐTD nói chung, chưa làm nổi bật được nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng qua thực tiễn xét xử ở Việt Nam.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thứ nhất, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về việc nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng.

Thứ hai, nghiên cứu một số vấn đề về lý luận về việc nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án tỉnh Quảng Trị hiện nay trên cơ sở đó làm rõ một số khái niệm, nội dung liên quan đến nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng.

Thứ ba, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau:

Luận văn cần làm rõ các khái niệm cơ bản làm cơ sở cho việc nghiên cứu như khái niệm nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, HĐTD, ...

Phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và chỉ ra những vướng mắc làm cơ sở cho việc xây dựng các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.

Xây dựng các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị phù hợp thực tiễn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các quan điểm, nhận định về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, qua thực

tiền giải quyết tranh chấp trong các công trình nghiên cứu để làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá pháp luật và thực tiễn áp dụng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định.

Thời gian: Từ năm 2014 đến hết năm 2018

Địa bàn nghiên cứu: Phạm vi tỉnh Quảng Trị.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong thời kỳ đổi mới.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày đề tài, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

6. Những đóng góp mới của luận văn

Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Việt Nam.

Phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành thông qua phân tích những điểm mới và chỉ ra những điểm còn chưa hợp lý và đưa ra các nhận định hợp lý và chưa hợp lý để là cơ sở hoàn thiện pháp luật.

Đưa ra những nhận định thông qua việc áp dụng pháp luật về Nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị làm cơ sở hoàn thiện pháp luật.

Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về Nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng.

7. Cơ cấu luận văn

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng

Chương 2: Thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng, qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện và nâng cao thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ của bên vay trong HĐ tín dụng

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng tín dụng

1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng

Theo Khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng (Luật số: 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010) (LCTCTD 2010) thì “Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi”. Mặc dù pháp luật không đưa ra khái niệm HĐTD, nhưng thông qua các công trình nghiên cứu và quy định của pháp luật về quan hệ cho vay nêu trên, có thể thấy HĐTD có những tính chất đặc thù như:

- HĐTD là thỏa thuận bằng văn bản giữa các TCTD (bên cho vay) và khách hàng là các tổ chức, cá nhân (bên vay);
- HĐTD ghi nhận các quyền và nghĩa vụ của TCTD và khách hàng trong quá trình vay tiền, sử dụng và thanh toán tiền vay;
- HĐTD là hình thức pháp lý của quan hệ cho vay, do đó buộc phải tuân thủ các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động cho vay trong lĩnh vực ngân hàng.

Với những phân tích trên đây cho thấy, việc đưa ra khái niệm HĐTD như trong giáo trình Luật Ngân hàng của trường Đại học Luật

TP. Hồ Chí Minh hiện nay đã nêu được những tính chất đặc thù của HĐTD, đủ để phân biệt với các hợp đồng, giao dịch khác trong nền kinh tế và có thể sử dụng để nghiên cứu, theo đó:

HĐTD là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa một bên là TCTD (Bên cho vay) với một bên là tổ chức và cá nhân (Bên vay) nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ nhất định của các bên trong quá trình vay tiền, sử dụng và thanh toán tiền vay.

1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, HĐTD được lập thành văn bản và thường theo mẫu của các TCTD.

Thứ hai, bên vay thường là bên yếu thế hơn so với các TCTD trong quan hệ cho vay

Thứ ba, nhiều rủi ro cho TCTD đến từ phía bên vay.

Tóm lại, quan hệ cho vay hàm chứa rất nhiều rủi ro cho các TCTD mà đa phần đều xuất phát từ phía bên vay nên bên vay phải đáp ứng các điều kiện vay vốn phức tạp và chấp nhận thực hiện nhiều nghĩa vụ để gây dựng “lòng tin” cho các TCTD. Với đặc trưng này thì pháp luật cần phải đặt ra các giới hạn để phân nào hạn chế sự lạm quyền của bên cho vay và bảo vệ quyền lợi của bên vay thông qua việc giải thích HĐTD theo mẫu như đã phân tích ở trên, đồng thời quy định các giới hạn thỏa thuận mà các bên phải tuân thủ trong quá trình giao kết HĐTD.

1.2. Chủ thể bên vay trong hợp đồng tín dụng

1.2.1. Phân loại chủ thể bên vay

Căn cứ vào tư cách chủ thể

Bộ luật dân sự 2015 (BLDS 2015) (Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015) sau khi có hiệu lực đã ảnh hưởng rất lớn đối với các quy định của pháp luật chuyên ngành, một trong số đó là các quy định về hoạt động cho vay của TCTD. Chính vì vậy, NHNN đã ban hành Thông tư 39 thay thế Quyết định 1627 để quy định phù hợp với BLDS 2015 về chủ thể tham gia vào giao dịch vay vốn. Có thể thấy, lý do có sự thay đổi về chủ thể đi vay trong Thông tư 39 chỉ còn lại cá nhân và pháp nhân (trong khi tại Quyết định 1627 thì ngoài cá nhân và pháp nhân thì còn có những tổ chức không có tư cách pháp nhân như hộ gia đình, tổ hợp tác vẫn là chủ thể vay vốn tại các TCTD) là vì, theo quan điểm của NHNN, hiện nay, chủ thể tham gia vào quan hệ dân sự chỉ bao gồm cá nhân và pháp nhân theo Điều 1 BLDS 2015.

Căn cứ trên mục đích sử dụng vốn

Căn cứ trên mục đích sử dụng vốn có thể phân thành hai nhóm chủ

thể: (1) Nhóm chủ thể vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và (2) Nhóm chủ thể vay vốn để phục vụ cho nhu cầu đời sống.

1.2.2. Điều kiện vay vốn của bên vay

** Nhóm các điều kiện chung*

Điều kiện thứ nhất là mục đích vay vốn phải hợp pháp.

Điều kiện thứ hai là bên vay phải có phương án sử dụng vốn khả thi.

Điều kiện thứ ba là bên vay phải có khả năng tài chính để trả nợ.

** Nhóm điều kiện vay vốn áp dụng cho từng chủ thể*

Thứ nhất, điều kiện đối với bên vay là cá nhân

Thứ hai, điều kiện đối với bên vay là pháp nhân

Điều kiện vay vốn đối với cho vay tiêu dùng

Tóm lại, việc phân tích điều kiện vay vốn đặt ra với bên vay trong HĐTD đã chỉ ra được những chủ thể nào trong nền kinh tế được phép vay vốn. Ngoài ra, các điều kiện vay vốn này cũng có ảnh hưởng nhất định đối với các nghĩa vụ của bên vay trong HĐTD, đồng thời cũng cho thấy những đặc thù trong quan hệ cho vay tại TCTD.

1.3. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng.

1.3.1. Nghĩa vụ của bên vay phát sinh theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia quan hệ và bảo vệ lợi ích công cộng mà pháp luật đặt ra các nghĩa vụ cơ bản phù hợp với đặc điểm của từng quan hệ dân sự. Các nghĩa vụ cơ bản có thể được hiểu là các nghĩa vụ mà các bên phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ cơ bản có ý nghĩa như một “hành lang pháp lý” buộc các bên phải thỏa thuận hoặc thừa nhận mà nhà làm luật cho là phù hợp với đặc điểm của quan hệ đó. Ngoài ra, pháp luật quy định các nghĩa vụ cơ bản còn giúp các bên trong quan hệ ý thức được những nghĩa vụ tối thiểu mà mình cần phải thực hiện. Từ việc nhận biết tầm quan trọng trong việc quy định những nghĩa vụ cơ bản mà Thông tư 39 cũng đã có quy định những nghĩa vụ cơ bản của bên vay. Tuy nhiên, có thể thấy, Thông tư 39 không có điều khoản liệt kê các nghĩa vụ của bên vay như tại Điều 24 của Quyết định 1627 nhưng điều đó không có nghĩa là pháp luật không đặt ra các nghĩa vụ cơ bản cho bên vay.

1.3.2. Nghĩa vụ của bên vay phát sinh theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng

Bên cạnh các nghĩa vụ mà pháp luật bắt buộc phải có trong một

HĐTD như đã phân tích ở trên thì các bên còn được thỏa thuận thêm các nghĩa vụ khác. Có hai mức độ thỏa thuận về nghĩa vụ giữa các bên là những nghĩa vụ mà các bên được thỏa thuận theo một mức giới hạn của pháp luật và những nghĩa vụ mà các bên được tự do thỏa thuận. Thông thường, những nghĩa vụ mang tính chất định lượng thì các bên phải thỏa thuận theo quy định của pháp luật, tức là pháp luật, trong trường hợp này sẽ đặt ra giới hạn của việc thỏa thuận mà các bên phải tuân thủ mức giới hạn đó. Để nhận biết được các trường hợp này thì cần phải chú ý các quy định của pháp luật dưới dạng “*các bên được thỏa thuận ... nhưng không vượt quá...*”.

1.4. Nội dung nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng

1.4.1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin

Theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ cung cấp thông tin được bên vay thực hiện xuyên suốt trong quá trình vay vốn, tức là từ trước khi ký kết hợp đồng đến khi kết thúc HĐTD. Về yêu cầu đối với thông tin mà khách hàng cung cấp, pháp luật quy định thông tin cung cấp phải chính xác, trung thực và đầy đủ. Đồng thời bên vay phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho tổ chức tín dụng. Đây là ba tính chất rất quan trọng của thông tin vì nếu đảm bảo đủ ba tính chất này TCTD có thể đánh giá được đúng việc đáp ứng các điều kiện vay vốn của bên vay và tạo điều kiện cho TCTD kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay và các biện pháp bảo đảm (nếu có).

1.4.2. Nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích

Để đảm bảo việc bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, pháp luật đã đặt ra hai cơ chế kiểm soát. *Thứ nhất*, bên vay có nghĩa vụ báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong HĐTD. *Thứ hai*, TCTD có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của bên vay.

1.4.3. Nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc, lãi và các chi phí khác trong hợp đồng tín dụng

1.4.3.1 Nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc và lãi

Nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc và lãi là nghĩa vụ quan trọng nhất của bên vay vì nếu bên vay không thực hiện nghĩa vụ này thì coi như các TCTD không đạt được mục đích khi ký kết HĐTD. Ngoài ra, việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ này có thể gây ra rất nhiều rủi ro cho các TCTC như đã phân tích ở trên. Vì thế, việc đàm phán và xây dựng các điều khoản về nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi là một trong các vấn đề lớn cần xem xét trong bất cứ HĐTD nào.

Liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả đúng hạn nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật, có hai nội dung lớn sẽ được tác giả tập trung phân tích là (1) Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ; (2) Lãi suất cho vay.

1.4.3.2. Nghĩa vụ về thanh toán các khoản phí khác

Phí có thể được hiểu một cách tổng quát là khoản tiền mà một bên phải trả để được hưởng quyền hoặc sử dụng một dịch vụ nào đó. Phí mang tính đối giá, tức là khi chủ thể có nhu cầu sử dụng một dịch vụ nào đó thì phải trả phí sử dụng dịch vụ đó. Do đó mà phí mang tính chất như một khoản tiền bù đắp những chi phí cho bên cung cấp dịch vụ phải bỏ ra để thực hiện việc cung cấp dịch vụ. Trong khi đó, lãi trong quan hệ cho vay là giá của khoản vay, hay nói cách khác là khoản tiền mà bên vay phải trả để “thuê” giá trị khoản vay để sử dụng.

1.4.4. Nghĩa vụ đảm bảo tuân thủ các cam kết khác trong hợp đồng tín dụng

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng cho giao dịch vay vốn.

- Cam kết về biện pháp bảo đảm như không tạo lập thêm bất kỳ biện pháp bảo đảm nào khác đối với tài sản đã dùng để bảo đảm khoản vay với TCTD, trừ khi được TCTD chấp thuận bằng văn bản; hay bên vay không được phép tạo lập thêm bất cứ biện pháp bảo đảm nào đối với tài sản của mình với các bên cho vay khác, trừ khi có chấp thuận bằng văn bản của TCTD đã cho vay.

- Cam kết về việc bên vay là pháp nhân không được tham gia vào quá trình tổ chức lại, tạm ngừng kinh doanh, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm đảm bảo về tình trạng thống nhất của bên vay trong suốt quá trình vay vốn.

1.4.5. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật áp dụng khi bên vay vi phạm các nghĩa vụ

Vấn đề về thỏa thuận phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được áp dụng như thế nào trong HĐTD đã từng tồn tại khá nhiều quan điểm. Tuy nhiên, nhìn chung trong các quan điểm chưa có sự thống nhất về việc các bên đã thỏa thuận về lãi suất đối với lãi chậm trả hay lãi suất nợ quá hạn thì có còn được áp dụng phạt vi phạm hay bồi thường thiệt hại nữa không. Lý do là vì Quyết định 1627 không có sự ghi nhận trực tiếp quyền được thỏa thuận phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại giữa các bên trong HĐTD. Tuy nhiên, vấn đề này đã trở nên khá rõ ràng vì theo quy định tại Điều 25 Thông tư 39 thì các bên được phép thỏa thuận phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại. Đây là một quy định mới

được bổ sung trong Thông tư 39 so với Quyết định 1627. Theo tác giả thì đây là quy định hợp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên trong HĐTD thông qua việc áp dụng các chế tài. Đặc biệt với quy định này thì trong tương lai, quyền lợi của bên vay có thể được bảo vệ hơn bằng việc bên vay có thể đưa vào các điều khoản phạt vi phạm hay bồi thường thiệt hại khi TCTD có hành vi vi phạm như không thực hiện giải ngân đúng hạn hoặc tiết lộ thông tin cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý của bên vay, điều vốn rất hiếm khi gặp trong các HĐTD trước khi Thông tư 39 có hiệu lực.

1.4.6. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn

Thông thường trong HĐTD thường có thỏa thuận các trường hợp làm căn cứ để chấm dứt cho vay như: (1) Bên vay vi phạm các nghĩa vụ theo thỏa thuận tại HĐTD; (2) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Nếu có các căn cứ chấp dứt cho vay trước khi TCTD giải ngân thì TCTD sẽ không tiến hành giải ngân bất kỳ khoản tiền nào cho bên vay và chấm dứt HĐTD và nếu các căn cứ chấm dứt cho vay phát sinh khi TCTD đã tiến hành giải ngân được một phần hoặc toàn bộ khoản vay thì TCTD sẽ không tiến hành giải ngân thêm nữa và chấm dứt HĐTD.

Như vậy, nhìn chung, các TCTD sẽ chấm dứt cho vay khi bên vay vi phạm những nghĩa vụ đã được quy định trong HĐTD. Quy định này một mặt tạo ra tính răn đe để bên vay phải có ý thức thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình. Mặt khác, quy định này còn tạo cơ chế cho TCTD để không phải thực hiện nghĩa vụ cho vay của mình khi nhận thấy bên vay không thực hiện đúng một trong các nghĩa vụ sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn trả lại khoản vay cho TCTD, qua đó giúp TCTD tránh bị mất vốn. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận trước các trường hợp chấm dứt hợp đồng, thì hợp đồng vẫn có thể chấm dứt nếu bên vay vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định (khoản 1 Điều 428 BLDS 2015).

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Thực trạng pháp luật nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng

2.1.1. Thành tựu pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã hình thành được khung pháp lý chung tương đối toàn diện về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng theo quan điểm tiến bộ, tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

Theo quy định của pháp luật, khi HĐTD phát sinh hiệu lực pháp lý sẽ đương nhiên làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác).

Các quyền và nghĩa vụ pháp lý này phản ánh những hành vi pháp lý, mà thông qua việc ký kết hợp đồng, các bên được phép hoặc phải thực hiện. Trong HĐTD, do mỗi bên tham gia có tư cách, địa vị pháp lý khác nhau, nên quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể pháp luật cũng quy định có sự khác nhau. ii) Quyền và nghĩa vụ của bên vay.

Thứ hai, đã có nhiều quy định mới về phân lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, những quy định mới này theo hướng tăng mức lãi suất thỏa thuận và lãi suất phạt do chậm hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, điều này sẽ góp phần tạo cơ chế về lãi suất để nhằm thúc đẩy bên vay thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, bảo đảm sự tuân thủ và kỷ luật hợp đồng trong giao dịch dân sự; bảo đảm hài hòa với mục đích quy định lãi suất là một trong những công cụ để điều tiết nền kinh tế, đặc biệt đối với thị trường vốn, tiền tệ và các mục đích kinh tế, xã hội khác. Đồng thời, đây là quy định mới theo hướng linh hoạt, mở rộng quyền năng cho các chủ thể trong quan hệ dân sự, từ đó thúc đẩy các chủ thể này tham gia tích cực hơn vào các quan hệ này.

Ngoài ra, việc xác định mức lãi suất cao nhất trong giao dịch vay tài sản mà BLDS năm 2015 cho phép còn có ý nghĩa trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với tội cho vay lãi nặng quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) cấu thành cơ bản tội phạm này dựa trên quy định về mức lãi suất của

BLDS năm 2015, mà theo đó, trong giao dịch dân sự mà người cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính từ 30 triệu đồng trở lên, thì hành vi này bị coi là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, do chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất về nhận thức và áp dụng các quy định pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản, hạn chế dẫn đến tình trạng cùng loại tranh chấp hợp đồng tín dụng, trong đó, các bên thỏa thuận về lãi suất, thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng có Tòa án xét xử chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm, nhưng cũng có Tòa án xét xử chỉ chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn mà không chấp nhận phạt vi phạm hợp đồng do phát sinh số tiền lãi chậm trả, vì cho rằng như vậy “phạt chồng phạt”. Ngoài ra, để xác định chính xác khoản tiền vay tại từng thời điểm trong trường hợp bên cho vay liên tục nhập các khoản lãi suất vào nợ gốc và yêu cầu bên vay phải trả lãi trên toàn bộ số nợ đó, khi đó, việc áp dụng lãi suất 20%/năm cho khoản vay vào thời điểm nào mới là phù hợp và số tiền nào mới được gọi là khoản tiền vay ?.

Thứ ba, hình thành hệ thống pháp luật khá đầy đủ về nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm.

Quy định này nhằm tránh những tranh chấp về hợp đồng ủy quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu và người được ủy quyền định đoạt. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với cá nhân và các công ty tư nhân, còn đối với doanh nghiệp nhà nước thì tài sản thuộc sở hữu toàn dân, những tài sản mà doanh nghiệp được phép định đoạt theo quy định của pháp luật sẽ là tài sản bảo đảm.

Giá trị tài sản bảo đảm thông thường sẽ lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Tuy nhiên, các bên có thể thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Tuy nhiên, đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng thì pháp luật quy định giá trị tài sản bảo đảm phải lớn hơn số tiền vay (vay bằng 80% giá trị bảo đảm). Quy định này nhằm hạn chế nợ xấu và rủi ro cho các tổ chức tín dụng.

Theo nguyên tắc chung, khi một chủ thể dùng một tài sản để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ của nhiều chủ nợ thì cần phải đáp ứng các yêu cầu sau: (i) Giá trị tài sản bảo đảm phải lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ đảm bảo; (ii) Khi đảm bảo nhiều nghĩa vụ đối với nhiều chủ nợ cùng một thời điểm xác lập các biện pháp bảo đảm phải được tất cả các chủ nợ đồng ý. Đối với những tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng khi đã bảo đảm cho một nghĩa vụ thì chủ nợ đầu tiên đã nắm

giữ giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, cho nên khi tiếp tục bảo đảm cho một nghĩa vụ kế sau thì cần phải có sự đồng ý của chủ nợ ban đầu là giao cho bên nhận bảo đảm ký kết tiếp các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản để thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực, đăng ký.

Thứ tư, hệ thống quy định về chủ thể của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng đã đáp ứng được yêu cầu của pháp bên có quyền các ngân hàng, tổ chức tín dụng và cũng đảm bảo quyền lợi của bên vay.

Khoản 5, Điều 2, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng định nghĩa “Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vốn bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân”.

2.1.2. Hạn chế pháp luật nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, về thẩm định về chủ thể bên vay tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản

- Việc xác minh nhân thân của người ký kết hợp đồng thế chấp. Vấn đề tưởng là đơn giản nhưng trong thực tế lại rất phức tạp vì đã có trường hợp do cán bộ tín dụng, công chứng viên không làm hết trách nhiệm đã công chứng hợp đồng có chữ ký giả, công chứng không đúng nội dung...

- Việc xác định người ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự. Trong thực tế, công chứng viên rất khó xác định năng lực hành vi dân sự hơn đối với những người bị tâm thần phân liệt, có lúc bình thường và có lúc bị bệnh. Nên có trường hợp công chứng viên đã cho người có dấu hiệu của bệnh thần kinh vào lăn tay, điểm chỉ vào hợp đồng.

- Việc tài sản bảo đảm là đất cấp cho hộ gia đình không có đủ chữ ký thành viên khi ký hợp đồng thế chấp. Trong thực tế xét xử, đã có nhiều trường hợp do cán bộ tín dụng và công chứng viên “để sót” thành viên hộ gia đình không ký vào hợp đồng thế chấp, khi TCTD xử lý tài sản thì xuất hiện thành viên này khởi kiện. Tại Tòa thì hợp đồng thế chấp này bị vô hiệu một phần.

- Việc xác định thành viên trong hộ theo “sổ hộ khẩu” hay theo giấy tờ nào vẫn còn là đề tài tranh cãi trong quá trình thực hiện nghiệp vụ công chứng. Để tạo điều kiện nhanh chóng và thuận lợi thì đa số các công chứng viên – phòng công chứng vẫn sử dụng “sổ hộ khẩu” để xác định số thành viên của hộ. Nhưng nếu, có người chứng minh được họ không có tên trong “sổ hộ khẩu” nhưng là thành viên của hộ theo quy định mà không “được ký hợp đồng thế chấp” thì việc hợp đồng thế chấp bị vô hiệu, rủi ro cho tổ chức tín dụng là hoàn toàn có thể xảy ra.

Thứ hai, biện pháp bảo đảm trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại vẫn còn một số những vướng mắc đối với các ngân hàng thương mại trong việc xác định các biện pháp bảo đảm phù hợp nhằm thực thi quyền đòi nợ của mình đối với bên vay trong quan hệ vay vốn.

Quy định thiếu thống nhất đối với biện pháp cầm cố và thế chấp, gây khó khăn trong công tác áp dụng biện pháp bảo đảm. Từ sự kế thừa quan điểm của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 đưa ra khái niệm về biện pháp bảo đảm cầm cố và thế chấp. Theo đó, cầm cố tài sản là việc bên cầm cố giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên nhận cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Thế chấp tài sản là bên thế chấp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên nhận thế chấp. Từ đó cho thấy, cầm cố và thế chấp chỉ khác nhau ở việc chuyển giao mang tính cơ học các tài sản bảo đảm mà không hề có sự phân biệt về loại tài sản. Vì thế, trong hoạt động cho vay việc cầm cố bất động sản là hoàn toàn có thể thực hiện.

Tuy nhiên, các Luật chuyên ngành lại không quy định điều này. Theo quy định tại Luật Nhà ở số 65/2014/QH13, quy định về các quyền sở hữu nhà ở thì không nhắc tới quyền cầm cố nhà ở mà chỉ nhắc đến quyền thế chấp nhà ở. Hay tại Điều 167 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 quy định quyền của người sử dụng đất cũng không hề nhắc tới cầm cố quyền sử dụng đất. Như vậy, quy định trong các văn bản Luật chuyên ngành lại hạn chế quyền cầm cố bất động sản của người sở hữu các quyền này.

Thiếu quy định pháp luật và chưa thống nhất đối với một số loại tài sản bảo đảm đặc biệt. Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 163/2006 đều không quy định rõ ràng về việc sử dụng thế chấp hay cầm cố, trong đó có các quyền tài sản. Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định về việc sử dụng quyền tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự theo

Điều 322. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã bãi bỏ Điều luật này. Việc bãi bỏ quy định này gây khó khăn cho khách hàng sử dụng quyền tài sản (quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp...) để đảm bảo vay vốn. Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo quy định “cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay”.

Thứ ba, vướng mắc về lãi suất, phạt vi phạm hợp đồng tín dụng. Trong thời gian qua, do chưa có sự nhận thức thống nhất về các quy định pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng, dẫn đến tình trạng trong thực tiễn xét xử, cùng loại tranh chấp hợp đồng tín dụng, trong đó các bên thỏa thuận về lãi suất, thỏa thuận phạt vi phạm nhưng có Tòa án xử chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm; có Tòa án xử chỉ chấp nhận tính lãi suất nợ quá hạn mà không chấp nhận phạt vi phạm vì cho rằng tính lãi suất quá hạn đồng thời phạt vi phạm là “lãi chồng lãi”, “phạt chồng phạt”. Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng trong thời gian qua có một số hạn chế, vướng mắc sau: Hợp đồng tín dụng được thực hiện theo nguyên tắc do các bên thỏa thuận. Theo nguyên tắc này thì lãi suất, lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận; phạt vi phạm cũng do các bên thỏa thuận. Lãi suất, lãi suất nợ quá hạn và phạt vi phạm được quy định trong các bộ luật, luật và văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.

2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Thành tựu áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

Những kết quả đạt được trong việc áp dụng pháp luật giải quyết tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị. Hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đang ngày càng phát triển và có thể nói là phát triển rất nhanh tại tỉnh. Hiện tại, có rất nhiều tổ chức tín dụng được thành lập mới, theo đó các tổ chức tín dụng cũng cạnh tranh với nhau rất mạnh mẽ từ mô hình tổ chức, cơ cấu nghiệp vụ, phát triển mạng lưới, hiện đại hoá công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới ... Điều này chứng tỏ rằng hoạt động tín dụng thực chất là hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận rất cao.

Bảng 2.1 Số liệu thống kê các vụ án xét xử phúc thẩm về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Năm	Thụ lý (vụ)	Số vụ án đã giải quyết				Số vụ án còn lại	Tỷ lệ giải quyết (%)
		Đình chỉ	Xét xử				
			Y án	Sửa	Hủy		
2014	09	02	02	03	01	01	89%
2015	09	02	03	02	01	01	89%
2016	14	00	06	01	00	07	50%
2017	20	01	15	02	00	02	90%
6T/2018	04	00	01	03	00	00	100%

Nguồn: Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

Bảng 2.1: Số liệu thống kê các vụ án xét xử sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

Năm	Thụ lý (vụ)	Số vụ án đã giải quyết					Số vụ án còn lại	Tỷ lệ giải quyết (%)
		Tạm đình chỉ	Chuyển Hồ sơ	Đình chỉ	Công nhận thỏa thuận	Xét xử		
2014	139	02	22	15	49	22	29	79%
2015	121	15	01	15	38	22	30	75%
2016	117	14	01	21	34	27	20	83%
2017	91	19	04	11	19	26	12	86%
6T/2018	60	14	01	05	09	08	23	61%

Nguồn: Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

- Việc áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị chủ yếu phức tạp xoay quanh vấn đề lãi suất.

Chấp nhận lãi suất vượt trần theo thỏa thuận trong hợp đồng vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, mặc dù Luật các tổ chức tín dụng chưa quy định cụ thể nhưng Thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đã cho phép. Lãi suất thỏa thuận phải nằm trong giới hạn cho phép. Luật các tổ chức tín dụng chưa quy định cụ thể thì phải quay lại áp dụng luật dân sự (là luật gốc, luật chung). Không thể chấp nhận tình trạng Thông tư lại có hiệu lực hơn luật và tôn trọng sự thỏa thuận đến mức chấp nhận cả những sự thỏa thuận trái pháp luật. Từ sự không đồng nhất quan điểm về lãi suất, kéo theo sự xung đột khi giải quyết về nghĩa vụ chậm trả. Về nghĩa vụ chậm trả tồn tại 02 quan điểm giải quyết: Bên có nghĩa vụ chậm trả nợ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán Bên có nghĩa vụ trả nợ phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Không chấp nhận việc phạt vi phạm do chậm trả lãi do luật chỉ quy định tính lãi trên nợ gốc, không quy định việc tính lãi trên lãi (lãi chồng lãi). Nếu Ngân hàng và khách hàng có thỏa thuận và không bên nào có ý kiến phản đối thì chấp nhận việc tính phạt vi phạm do chậm trả lãi.

Mâu thuẫn trong việc xác định tài sản chung, việc xác định phần quyền và nghĩa vụ của người thế chấp tài sản chung. Vấn đề xử lý tài sản chung trong trường hợp các đồng sở hữu có tranh chấp về việc thế chấp tài sản chung để đảm bảo nghĩa vụ tín dụng.

Một số vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thứ nhất, Tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ bên vay hợp đồng tín dụng thì tranh chấp đòi nợ quá hạn và lãi suất là dạng tranh chấp phổ biến nhất tại Tòa án.

Trên thực tế với những vụ án tranh chấp về gốc và lãi suất của Tòa án nhân dân, khi xét xử Tòa án chỉ căn cứ chung vào thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của hai bên mà tuyên buộc bên vay phải trả nợ và lãi theo thỏa thuận ban đầu của hai bên. Do đó bên vay đã dựa việc quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự khi xảy ra tranh chấp mà hai bên không tự thỏa thuận được phần lãi suất vay để được áp dụng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm vay như hiện nay là điều kiện để bên vay lợi dụng phát sinh tranh chấp khi không còn khả năng thanh toán với Tổ chức tín dụng. Sự kiện này không phù hợp với chủ trương tự do thỏa thuận lãi suất cho vay mà Tổ chức tín

dụng đang phân đấu thực hiện và có thể vi phạm cơ chế lãi suất tự do thỏa thuận mà Chính phủ đã chỉ đạo các Tổ chức tín dụng thực hiện. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã diễn ra không ít các vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng ở những khía cạnh khác nhau. Nhiều trong số đó đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết.

Thứ hai, tranh chấp hợp đồng tín dụng về việc xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực hay vô hiệu liên quan đến nghĩa vụ của bên vay

Tài sản thế chấp là tài sản dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, đều bị xử lý để thu hồi nợ. Trong các vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng này, Tòa án nhân dân tỉnh thường xem xét rất kỹ đến hợp đồng thế chấp này. Gần đây tại tỉnh, tranh chấp về hợp đồng tín dụng gia tăng đã làm xuất hiện nhiều tình huống gây tranh cãi giữa các cấp Tòa án khi giải quyết án, nhất là các tình huống có liên quan đến tài sản thế chấp. Nguyên nhân dẫn đến hợp đồng thế chấp vô hiệu được rút ra từ thực tiễn xét xử các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân tỉnh là:

- Thẩm định về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản. Việc xác minh nhân thân của người ký kết hợp đồng thế chấp. Vấn đề tưởng là đơn giản nhưng trong thực tế lại rất phức tạp vì đã có trường hợp do cán bộ tín dụng, công chứng viên không làm hết trách nhiệm đã công chứng hợp đồng có chữ ký giả, công chứng không đúng nội dung... Việc xác định người ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự. Trong thực tế, công chứng viên rất khó xác định năng lực hành vi dân sự hơn đối với những người bị tâm thần phân liệt, có lúc bình thường và có lúc bị bệnh. Nên có trường hợp công chứng viên đã cho người có dấu hiệu của bệnh thần kinh vào lăn tay, điểm chỉ vào hợp đồng.

Việc tài sản bảo đảm là đất cấp cho hộ gia đình không có đủ chữ ký thành viên khi ký hợp đồng thế chấp. Trong thực tế xét xử, đã có nhiều trường hợp do cán bộ tín dụng và công chứng viên “đề sọt” thành viên hộ gia đình không ký vào hợp đồng thế chấp, khi TCTD xử lý tài sản thì xuất hiện thành viên này khởi kiện. Tại Tòa thì hợp đồng thế chấp này bị vô hiệu một phần.

Việc xác định thành viên trong hộ theo “sổ hộ khẩu” hay theo giấy tờ nào vẫn còn là đề tài tranh cãi trong quá trình thực hiện nghiệp vụ công chứng. Để tạo điều kiện nhanh chóng và thuận lợi thì đa số các công chứng viên – phòng công chứng vẫn sử dụng “sổ hộ khẩu” để xác định số thành viên của hộ. Nhưng nếu, có người chứng minh được họ

không có tên trong “sổ hộ khẩu” nhưng là thành viên của hộ theo quy định của mà không “được ký hợp đồng thế chấp” thì việc hợp đồng thế chấp bị vô hiệu, rủi ro cho tổ chức tín dụng là hoàn toàn có thể xảy ra.

- Thẩm định về tài sản bảo đảm. Việc thẩm định về tài sản không chính xác. Trong thực tế đã có rất nhiều trường hợp cán bộ tín dụng chỉ dựa trên giấy tờ cung cấp của bên thế chấp mà không đi thẩm định tại chỗ. Dẫn đến nhiều trường hợp tài sản thế chấp có tài sản phát sinh mà không được ghi vào biên bản thẩm định. Khi xử lý tài sản thế chấp dẫn đến việc thi hành án gặp khó khăn. Việc các tổ chức tín dụng làm thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp, nhưng lại không đăng ký giao dịch bảo đảm kịp thời hạn, thậm chí không thực hiện việc đăng ký giao dịch đảm bảo dẫn đến khách hàng đi đăng ký thế chấp cho một giao dịch trước đó và TCTD trở nên mất quyền ưu tiên khi xử lý tài sản thế chấp, có thể mất luôn tài sản bảo đảm.

Việc xác định tài sản bảo đảm là tài sản chung hay tài sản riêng. Qua thực tế cho thấy nhiều huyện đã áp dụng: Trong trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên một người thì chỉ cần một người ký hợp đồng. Như vậy, khi xảy ra tranh chấp thì tổ chức tín dụng sẽ rất khó xử lý tài sản bảo đảm vì người còn lại sẽ khiếu kiện theo quy định của pháp luật, bởi đây là tài sản chung của hai vợ chồng, nhưng chỉ đứng tên một người và chỉ có một người ký.

2.2.2. Đánh giá về công tác xét xử các vụ án về tranh chấp về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

- Qua thực tiễn giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể là:

Thứ nhất: Việc giải quyết tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay trong HĐTD đã được thống nhất theo trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều này, đã tiết kiệm được thời gian cho các cơ quan tư pháp và cho chính các bên tranh chấp.

Thứ hai: Pháp luật quy định chi tiết thời hạn chuẩn bị xét xử đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Ngoài ra, đối với các loại tranh chấp hợp đồng tín dụng mà có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá 01 tháng đối với vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, kể từ ngày thụ lý vụ án. Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa

án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không quá 01 tháng. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án phải mở phiên toà trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng. Quy định này đã nâng cao trách nhiệm của các Toà án trong quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay trong HĐTD.

Thứ ba: Toà án nhân dân hai cấp của tỉnh Quảng Trị đã không ngừng nâng cao chất lượng xét xử, làm rõ những yêu cầu của đương sự trong vụ án, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan để giải quyết vụ án. Công tác giải quyết tranh chấp về cơ bản được thực hiện đúng các quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

- Tuy nhiên, bên cạnh đó hoạt động của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với giải quyết tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay trong HĐTD vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế khiến quá trình giải quyết còn chưa thực sự có hiệu quả. Theo báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị thì sự yếu kém, hạn chế bởi các nguyên nhân sau đây ,

Thứ nhất, Pháp luật hiện hành liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tuy khá đầy đủ nhưng chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện. Pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để dần dần hoàn thiện. Vì thế, nhiều bộ luật, luật được ban hành mà chưa có văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết thi hành, nhiều quy định chồng chéo không thực hiện được trên thực tế hoặc được áp dụng không thống nhất trong hệ thống cơ quan tư pháp. Một số văn bản pháp luật đã có hiệu lực thi hành trong một thời gian khá dài nhưng nhiều quy định trong các văn bản đó chưa được Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cùng các cơ quan hữu quan trong phạm vi thẩm quyền ban hành những văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành nên có tình trạng Toà án nhân dân các cấp áp dụng không thống nhất và kết quả các bản án hoàn toàn trái ngược nhau giữa các cấp Toà.

Thứ hai, Công tác thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm còn chậm, nhiều bản án phúc thẩm giải quyết chưa thoả đáng, việc phát hiện những thiết sót của Toà án sơ thẩm chưa tiến hành kịp thời để đưa ra những giải pháp khắc phục. Vẫn còn những bản án phúc thẩm bị khiếu nại còn. Việc tố tụng chậm, sai, phiên hà đã ảnh hưởng tiêu cực tới các bên trong HĐTD như việc không thu hồi được vốn cho vay ảnh hưởng

tới hoạt động của TCTD, việc tranh chấp kéo dài có thể làm cho bên vay phải trả thêm những khoản lãi phát sinh ảnh hưởng đến việc trả nợ.

Thứ ba, Đối với công tác giám đốc thẩm, tái thẩm và giải quyết khiếu nại vẫn chưa đảm bảo được những quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh với Tòa án nhân dân cấp huyện còn hạn chế, nên chưa kịp thời phát hiện các vi phạm để khắc phục và xử lý.

Thứ tư, Trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, nhiều Thẩm phán nghiên cứu tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, rõ ràng, đánh giá chứng cứ không đúng với sự thật khách quan, thậm chí còn xác định sai tư cách tố tụng của đương sự hoặc triệu tập không đầy đủ những người bắt buộc phải tham gia phiên tòa dẫn đến nhiều phiên tòa vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và kết quả là bản án được tuyên bị huỷ vì vi phạm nghĩa vụ tố tụng.

Thứ năm, Đội ngũ cán bộ Tòa án hiện nay còn thiếu về số lượng và yếu kém về năng lực, có một số cán bộ Tòa án có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp chưa cao nên đã có những hành vi vi phạm làm ảnh hưởng tới kết quả của vụ án.

Thứ sáu, Việc ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cấp cơ sở vật chất vào hoạt động của Tòa án còn nhiều hạn chế. Quá trình giải quyết các tranh chấp còn mất nhiều thời gian, nhiều loại chi phí, nhiều đầu mối trung gian trong khi đó lĩnh vực tài chính là lĩnh vực nhạy cảm yêu cầu giải quyết nhanh gọn để các bên có thể nhanh chóng tiến hành hoạt động trở lại bình thường.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG LUẬT VỀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

3.1. Quan điểm hoàn thiện hoàn thiện pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

- Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án nói chung và giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng

Thứ nhất: Cải cách tư pháp phải đồng bộ với cải cách hệ thống pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị,

bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thứ hai: Cải cách tư pháp phải đồng bộ với cải cách hệ thống pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Thứ ba: Cải cách tư pháp phải đồng bộ với cải cách hệ thống pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc. Ngày 02/06/2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49/NQ – TW về chiến lược cải cách tư pháp phải đồng bộ với cải cách hệ thống pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng đến năm 2020, *Thứ tư:* Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân. Những quan điểm trên của Đảng cộng sản Việt Nam chính là cơ sở lý luận, là định hướng cho hoạt động áp dụng pháp luật giải quyết thực hiện nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân nói chung và hoạt động áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp hợp đồng của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị nói riêng.

3.2. Quan điểm cụ thể áp dụng pháp luật về nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng tín dụng qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị

Thứ nhất, Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong giải quyết án tranh chấp nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị, Đảng lãnh đạo trên ba phương diện, Tư tưởng, tổ chức và cán bộ.

Thứ hai, Áp dụng pháp luật trong giải quyết các tranh chấp nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng phải quan tâm chú trọng hơn nữa đến vấn đề hòa giải, xuất phát từ các quan hệ trong xã hội, các tranh chấp nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng thường xảy ra khi các bên tham gia hợp đồng không thống nhất được vấn đề mà các bên cần giải quyết.

Thứ ba, Tăng cường tranh tụng tại phiên tòa là một trong những nội dung quan trọng trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Việc mở

rộng tranh tụng tại Tòa án sẽ giúp cho các bên tham gia bảo vệ được quyền và lợi ích của mình và giúp cho việc xét xử của Tòa án các cấp nâng cao chất lượng khi ra ban hành bản án và quyết định tranh gây sai sót trong hoạt động tố tụng.

Thứ tư, Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đáp ứng được nghiệp vụ, chuyên môn về pháp luật để xử lý các vụ án về tranh chấp nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng đủ về số lượng và chất lượng.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện việc giải quyết tốt các tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng tại Tòa án

3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, Cần hoàn thiện quy định của pháp luật về lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng. Các chủ thể tham gia trong hợp đồng tín dụng luôn có sự thỏa thuận lãi suất, tài sản bảo đảm và việc xử lý tài sản bảo đảm đã được quy định trong văn bản hợp đồng hoặc các văn bản thỏa thuận khác giữa tổ chức tín dụng và bên vay vốn. Trường hợp bên vay vốn không trả nợ đúng hạn thì họ phải trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn cho tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, việc áp dụng lãi suất nợ quá hạn của tổ chức tín dụng đối với khách hàng có nợ quá hạn trên thực tế còn có nhiều bất cập, không phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng việc áp dụng quy định của pháp luật về lãi suất vay và lãi suất quá hạn tại các tổ chức tín dụng và của Tòa án còn nhiều bất cập. Hiện nay, những quy định BLDS 2005 tại khoản 5 điều 474 và điều 476 đã tạo ra sự kìm hãm sự phát triển hoạt động cho vay của TCTD, không còn phù hợp với hoạt động cho vay đang diễn ra của nền kinh tế thị trường tự do thỏa thuận lãi suất. Do đó các quy định này đã được sửa đổi và thay thế bằng khoản 5 điều 466 và điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, các quy định về lãi suất đã được thay đổi để phù hợp theo hướng quy định quyền thỏa thuận lãi suất của các bên tham gia HĐTD trên cơ sở tự nguyện bình đẳng của các chủ thể tham gia bảo đảm hạn chế lợi dụng vay nặng lãi.

Thứ hai, Các quy định pháp luật về đảm bảo thanh toán và xử lý tài sản đảm bảo cần phải chặt chẽ và có tính thống nhất. Hoạt động tín dụng luôn ẩn chứa trong nó những rủi ro kinh doanh nói chung mà còn có những rủi ro riêng biệt ảnh hưởng mạnh mẽ tới nền kinh tế. Để hạn chế

những vướng mắc của pháp luật về bảo đảm tiền vay, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo đảm tiền vay, chế định đăng ký giao dịch bảo đảm cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề sau đây,

+ Cần có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay với các bộ phận pháp luật khác có liên quan như pháp luật về sở hữu, pháp luật về đất đai, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp, pháp luật về thi hành án góp phần quan trọng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của TCTD. Đồng thời, cần có quy định cụ thể cho việc thi hành các bản án liên quan đến các TCTD tránh việc khách hàng bị lợi dụng kéo dài thời gian thi hành án. Khi xử lý tài sản bảo đảm thì việc định giá phải do tổ chức đánh giá chuyên nghiệp thực hiện, có thể là một cơ quan chuyên môn hay một tổ chức định giá hoạt động độc lập.

+ Cần cải cách thủ tục công chứng, chứng thực về đăng ký giao dịch bảo đảm nhằm bảo đảm tính thống nhất đồng bộ để tránh tình trạng một tài sản được thế chấp ở nhiều TCTD.

+ Cần quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân, Công an trong quá trình hỗ trợ tổ chức tín dụng thu hồi tài sản bảo đảm.

Thứ ba, Các quy định về chủ thể của quan hệ thế chấp tài sản cần phải xác định rõ ràng.

+ Bộ luật dân sự cần xác định các tiêu chí để xác lập địa vị pháp lý của hộ gia đình xác lập các quyền về tài sản cho hộ gia đình đó. Tiêu chí nào để xác định đại diện chủ hộ và tiêu chí nào để xác định các thành viên trong hộ gia đình. Đối với Luật đất đai cần xác định tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp nào thì xác định là chung của cả hộ gia đình và riêng cho một thành viên trong hộ gia đình. Bên cạnh đó pháp luật cần bổ sung các quy định về quản lý đăng ký thành viên hộ gia đình (đăng ký lần đầu, thay đổi, chấm dứt) nhằm xác định tư cách thành viên hộ gia đình, qua đó tạo thuận lợi cho hộ gia đình khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

+ Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trước đây là còn ghi là hộ gia đình nên quy định rõ trong trường hợp thế chấp này thì chỉ cần chủ hộ gia đình ký vào hợp đồng thế chấp và phải có sự đồng ý của những người trong hộ gia đình đó.

Thứ tư, Quy định về nâng cao trình độ nghiệp vụ và đạo đức cho đội ngũ nhân viên tín dụng của tổ chức tín dụng. Một trong các nguyên

nhân dẫn đến tranh chấp trong hợp đồng tín dụng có một phần do trình độ nghiệp vụ và trách nhiệm đạo đức của nhân viên tín dụng. Vì vậy, việc đào tạo bổ sung và nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ nhân viên ngân hàng là một yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh việc đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên tín dụng thì việc bồi dưỡng đạo đức, tác phong nghề nghiệp của các nhân viên này là một vấn đề rất đáng quan tâm. Đồng thời Tổ chức tín dụng cũng phải xây dựng một quy trình thủ tục cho vay một chặt chẽ và chính xác trước khi ký quyết định cho vay. Hoạt động của TCTD thực sự đạt hiệu quả cao khi có một đội ngũ nhân viên giỏi về nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp tốt thì rủi ro tín dụng sẽ được hạn chế nhiều nhất có thể.

3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả

Thứ nhất, Từ những bất cập pháp luật trong giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng của Tòa án, đưa ra những kiến nghị cho TAND Tối cao, Quốc hội nhằm rà soát lại các văn bản liên quan đến việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng. Hiện nay còn rất nhiều bất cập trong các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng.

Thứ hai, Đảm bảo quá trình tố tụng của toà án trong các vụ án giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng được tiến hành đúng quy định của pháp luật. Cần tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm tra của Viện kiểm sát đối với hoạt động tố tụng của Toà án. Nhằm mục đích hạn chế các vụ án xử oan, xử sai tạo lòng tin của các đương sự khi lựa chọn Tòa án là nơi bảo vệ quyền lợi cho mình khi có tranh chấp xảy ra.

Thứ ba, Luôn nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm và đạo đức của Thẩm phán. Trong một vụ án được xét xử tại Tòa án, Thẩm phán là người có vai trò quyết định trong việc cho ra một bản án có giá trị pháp lý cao.

Thứ tư, Cần nâng cao ý thức, trách nhiệm của người tham gia HĐTD. Các tranh chấp xảy ra trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng thường do nguyên nhân chủ quan xuất phát từ nhận thức pháp luật của người tham gia chưa cao.

Thứ năm, Tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin của Tòa án. Hiện nay nhiều Tòa án nhân dân cấp huyện hạn hẹp về quy mô, chưa có Tòa chuyên trách, chỉ có một phòng xử án duy nhất, thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế. Cộng với việc

những quy định mới của BLTTDS 2015 có hiệu lực về gửi đơn kiện và cấp, tổng đạt, văn bản qua trực tuyến. Đòi hỏi ngành Tòa cần có những chính sách đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng với nhu cầu xét xử các vụ án được hiệu quả và đúng thủ tục pháp luật.

KẾT LUẬN

Về cơ bản, luận văn đã làm sáng tỏ các định nghĩa, phân tích các đặc điểm, đặc trưng của hợp đồng tín dụng cũng như giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân. Đồng thời đã phân tích, đánh giá về thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng của Tòa án, đánh giá thực trạng về những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong hoạt động xét xử các tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng như những nguyên nhân dẫn đến tồn tại nêu trên.

Trên cơ sở lý luận, qua nghiên cứu thực tiễn xét xử giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, luận văn đã chỉ ra chỉ ra những tồn tại, hạn chế cũng như nguyên nhân của hạn chế, từ đó đưa ra các quan điểm cũng như các giải pháp. Nếu như thực hiện các giải pháp đã đề ra một cách đồng bộ sẽ nâng cao được chất lượng giải quyết tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ của bên vay trong quan hệ hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và cho các Tòa án khác có thực trạng tương tự.